

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6-2025
V/v Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi
ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên; bà Bùi Thị Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngân Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Mai Duy Minh - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 31/3/2025 về “Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn N, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là anh Nguyễn Trung T trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Anh và chị Trần Thị N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 09/9/2009 tại UBND xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm, chia sẻ. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do bản thân anh dễ xảy ra biến cố lớn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, chị N về nhà mẹ đẻ tại thôn M, xã V, huyện K sinh sống, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Trung Hoàng V, sinh ngày 19/8/2009 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 05/9/2015, cả hai con đang ở cùng anh từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con. Hiện nay anh là lao động tự do, thu nhập khoảng 15.000.000đ/tháng, chị N cũng là lao động tự do, thu nhập thế nào anh không biết.

Anh chị tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Bị đơn là chị Trần Thị N không trình bày lời khai, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*) Bà Duy Thị N1 (mẹ đẻ chị Trần Thị N) trình bày:

Anh Nguyễn Trung T và chị Trần Thị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, năm 2019 thì chị N về nhà bà sinh sống đến nay. Việc anh T xin ly hôn chị N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Anh T và chị N có 02 con chung như anh T đã trình bày là đúng, kể từ khi chị N về nhà bà sinh sống thì các cháu ở cùng anh T. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho các cháu.

Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì bà không biết.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi chị Trần Thị N cư trú cung cấp nội dung như sau:

Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Trung T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, chị N và anh T xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ, chị N đang ở cùng mẹ đẻ là bà Duy Thị N1 tại thôn M. Việc anh T xin ly hôn chị N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị N và anh T có 02 con chung như anh T đã trình bày là đúng, các cháu đang ở cùng anh T. Việc giao con chung đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của từng người, phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu. Chị N và anh T đều là lao động tự do, thu nhập của chị thế nào địa phương không biết.

Về tài sản chung của anh T và chị N địa phương không biết, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trung T được ly hôn chị Trần Thị N.

+ Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Trung T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Trung Hoàng V, sinh ngày 19/8/2009 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 05/9/2015; không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là chị Trần Thị N vắng mặt lần thứ 2 tại phiên

tòa. Nguyên đơn là anh Nguyễn Trung T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Trung T và chị Trần thị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không quan tâm, chia sẻ. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do bản thân anh T dễ xảy ra biến cố lớn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, chị N về nhà mẹ đẻ tại thôn M, xã V, huyện K sinh sống, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh T và chị N ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho anh Nguyễn Trung T được ly hôn chị Trần Thị N là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Anh T và chị N có 02 con chung là Nguyễn Trung Hoàng V, sinh ngày 19/8/2009 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 05/9/2015; các con đang ở cùng anh T. Ly hôn, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử thấy: Anh T có việc làm, có thu nhập và có chỗ ở, các con đang ở cùng anh và có cuộc sống ổn định, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con nên cần giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, do anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con nên không đặt ra giải quyết như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các con.

[4] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, chị N chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trung T được ly hôn chị Trần Thị N.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Trung T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Trung Hoàng V, sinh ngày 19/8/2009 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 05/9/2015. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng cho con.

Chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T và chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Trung T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0002378 ngày 31/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình thành án phí, anh T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Đương sự;
- UBND xã Vũ Lạc, TP.Thái Bình, tỉnh Thái Bình (Nơi đăng ký kết hôn; số 57, ngày 09/9/2009);
- UBND xã Vũ Lễ, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái

- Lưu hồ sơ vụ án.